

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/DS-PT

Ngày 26-9-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, tài
sản gắn liền với đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiềm.
Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;
Ông Hồ Đức Châm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lộc Văn Đông và bà Hoàng Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022 về Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nông Thị L; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phùng Văn T; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 10-12-2021); có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Hứa Thị D1 (D2); có mặt.

2. Ông Phùng Văn C; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Hứa Thị D1 (D2):

1. Ông Bé Quang H, Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ông Chu Thế V, Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vi Văn D - Phó chủ tịch UBND xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Giấy ủy quyền số 35/2021/UQ-UB ngày 06-12-2021); vắng mặt.

2. Anh Phùng Văn T; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Chị Phùng Thị T; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Chị Phùng Thị T; địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Chị Phùng Thị B; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Chị Phùng Thị N; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phùng Thị T, chị Phùng Thị T, chị Phùng Thị B, chị Phùng Thị N: Anh Phùng Văn T; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 10-12-2021); có mặt.

7. Bà Hà Thị H; có mặt.

8. Chị Đặng Trà N; vắng mặt.

9. Anh Đặng Văn T; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số **, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị H, chị Đặng Trà N, anh Đặng Thanh T: Bà Nông Thị L; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 18-02-2022); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Hứa Thị D1 (D2) và ông Phùng Văn C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Phùng Sinh C (Phùng Văn T) và bà Lê Thị T (đều đã chết), họ có 06 người con gồm: Phùng Thị Đ, Phùng Thị N, Phùng Thị H, Phùng Thị T, Phùng Văn B, Phùng Văn C. Nguyên đơn bà Nông Thị L là vợ của Phùng Văn B (đã chết), họ có 05 người con: Phùng Thị T, Phùng Thị T, Phùng Văn T, Phùng Thị B, Phùng Thị N. Bị đơn bà Hứa Thị D1 (D2) là vợ của ông Phùng Văn C.

Bà Hà Thị H là vợ của ông Đặng Văn T (đã chết), họ có 02 người con: Đặng Trà N, Đặng Văn T; bố mẹ ông Đặng Văn T đều đã chết.

Nguyên đơn bà Nông Thị L và anh Phùng Văn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do vợ chồng nguyên đơn khai phá từ năm 1988 và đã được cấp Sổ vườn rừng đề ngày 20-11-1988 mang tên chủ hộ Phùng Văn B, tại địa chỉ: P - T, lô **, khoảnh *. Gia đình

nguyên đơn quản lý, sử dụng ổn định và trồng cây bạch đàn, cây thông liên tục từ năm 1988 đến nay, không có ai tranh chấp gì. Từ năm 1991, 1992 cứ cây to là gia đình nguyên đơn khai thác bán và trồng dặm lại liên tục; ngoài ra trên đất còn có một số cây mọc tự nhiên do hạt rơi xuống. Đến cuối năm 2020, nguyên đơn đi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất), khi chuẩn bị được cấp GCNQSD đất thì bị đơn bà Hứa Thị D1 (D2) và ông Phùng Văn C mới có ý kiến tranh chấp, các bị đơn cho rằng đất tranh chấp của ông Phùng Sinh C (bố đẻ của ông Phùng Văn B và ông Phùng Văn C) đã được cấp sổ bìa xanh và giao cho các bị đơn quản lý, sử dụng diện tích đất này. Tháng 01-2021 đã tiến hành hòa giải tại xã nhưng không thành. Do đó, đến nay nguyên đơn vẫn chưa được cấp GCNQSD đất.

Nguyên đơn cho rằng việc các bị đơn trình bày nguồn gốc đất tranh chấp của ông Phùng Sinh C để lại và cây trên đất là của công ty lâm nghiệp trồng còn sót lại không đúng. Không có công ty nào đã từng quản lý tại diện tích này. Ông Phùng Sinh C không có đất rừng nào, sổ bìa xanh của ông Phùng Sinh C không phải ở đây và cũng không có đất trên thực tế. Đất rừng của gia đình nguyên đơn còn có thửa 690 L cũng là của 02 vợ chồng nguyên đơn khai phá, không phải ông Phùng Sinh C cho, đất này do nhà cũ hai vợ chồng từng ở đây nên vợ chồng nguyên đơn đi kê khai cấp GCNQSD đất trước. Đến năm 1997, gia đình nguyên đơn chuyển sang P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn sinh sống, do đất không ai tranh chấp, hai vợ chồng khó khăn nên mãi đến năm 2020 nguyên đơn mới có điều kiện đi kê khai cấp GCNQSD đất thì lại xảy ra tranh chấp. Tại các đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu được quản lý sử dụng thửa đất số 639 diện tích 20.713m² và thửa 613 diện tích 38.600,2m² cùng toàn bộ tài sản trên đất. Về chi phí tố tụng và về án phí đề nghị giải quyết theo quy định theo pháp luật.

Bị đơn bà Hứa Thị D1 (D2) và ông Phùng Văn C trình bày: Đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Phùng Sinh C được Hạt Kiểm lâm huyện L cấp Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng lô 40, khoảnh 1 cho ông Phùng Sinh C theo Quyết định số 01 ngày 25/01/1993 tại xã T, huyện L tại Hạt kiểm lâm huyện L, tỉnh Lạng Sơn, cây trên đất là cây mọc tự nhiên và Hạt kiểm lâm quản lý từ năm 1978, 1979 để lại mầm chồi mọc và hạt rụng xuống. Năm 2000, ông Phùng Sinh C giao cho các bị đơn quản lý, sử dụng có làm giấy tờ nhưng bị thất lạc. Hai vợ chồng bị đơn đã tiếp tục quản lý, sử dụng liên tục cây trên đất, không ai tranh chấp gì. Năm 2014, vợ chồng bị đơn đi đo đất thì xã bảo đã chốt sổ, để đợt sau. Tháng 3-2020, vợ chồng bị đơn đi đo đạc đất, sau đó nguyên đơn cũng đi đo sau, địa chính xã H, huyện L nói là nguyên đơn cũng đo đạc kê khai chỗ đất này nên bắt đầu phát sinh tranh chấp. Do đó, bị đơn chưa có trích đo, cũng chưa được cấp GCNQSD đất.

Các bị đơn không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về chi phí tố tụng, án phí đề nghị giải quyết theo quy định. Bà Hứa Thị D1 (D2) và ông Phùng Văn C thống nhất trường hợp ông bà không được chấp nhận yêu cầu thì mọi chi phí và án phí bà Hứa Thị D chịu thay cho ông Phùng Văn C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn chị Phùng Thị T, chị Phùng Thị T, anh Phùng Văn T, chị Phùng Thị B, chị Phùng Thị N: Nhất trí ý kiến nguyên đơn đã đưa ra ở trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Hứa Thị D1 (D2) là ông Chu Thế V và Ông Bế Quang H trình bày: Nhất trí ý kiến bà Hứa Thị D1 (D2) và ông Phùng Văn C trình bày. Đất tranh chấp là của ông Phùng Sùng Chí đã được Nhà nước cấp Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng với diện tích 3,5ha khoảnh 1, lô 40, loại hình trạng thái Đất trồng do UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp cho chủ hộ Phùng Sinh C, trú quán tại P, xã T, huyện L, đăng ký số 01 ngày 25/11/1993 tại Hạt kiểm lâm huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Các nhân chứng là người có đất giáp đất tranh chấp cũng khẳng định là đất ông Phùng Sinh C giao cho bị đơn, việc không tìm được Hồ sơ là do các cơ quan chuyên môn làm thất lạc. Do vậy đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị H trình bày: Bà Hằng là vợ của ông Đặng Văn T (đã chết). Năm 1994, bà nhận chuyển nhượng một phần thửa đất của nguyên đơn khoảng 3000m², theo được biết nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng là của nguyên đơn. Năm 2019, nhà bà được cấp GCNQSDD đối với phần diện tích nhận chuyển nhượng của nguyên đơn. Bà Hằng khẳng định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền quản lý sử dụng của nguyên đơn nên bà Hằng cùng con là chị Đặng Trà N, anh Đặng Văn T đều ủy quyền cho nguyên đơn tham gia tố tụng và nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn được quản lý sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa 655.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp UBND xã không có hồ sơ lưu nên không trả lời được bên nào khai có căn cứ. Việc kê khai đăng ký cấp GCNQSDD, gia đình nguyên đơn đi kê khai tại UBND xã, còn bên bị đơn chưa bao giờ thực hiện đăng ký kê khai đối với diện tích đất tranh chấp. Trước khi nguyên đơn kê khai thì chưa ai có ý kiến tranh chấp, khi nguyên đơn đo đạc có kết quả đo đạc và nộp chi phí, lệ phí đo đạc thì UBND xã mới nhận được ý kiến tranh chấp của bị đơn do vậy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới dừng lại. UBND xã được quy chủ đối với thửa 613, nhưng không quản lý và không yêu cầu được quản lý; thửa 639 quy chủ hộ ông Phùng Văn B; thửa 655 quy chủ hộ ông Đặng Văn T. Chưa ai được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các thửa này không thuộc quy hoạch, tài sản trên đất được phép tồn tại. Có thể cấp GCNQSDD cho hộ gia đình, cá nhân, tổ chức quản lý.

Người làm chứng phía bị đơn ông Hoàng Văn P, Nông Thị D, Hoàng Trung Q trình bày: Khẳng định là đất tranh chấp là một phần đất của ông Phùng Sinh C được Nhà nước cấp Hồ sơ giao đất giao rừng vào năm 1993, ông Phùng Sinh C quản lý đất và mằm chôi bạch đàn, mằm chôi bạch đàn là do Nhà nước trồng trước đó, cây thông tự mọc, ông Phùng Sinh C không trồng gì trên đất. Năm 2000 ông Phùng Sinh C chia đất thành 03 phần, ông Phùng Văn B một phần, ông Phùng Văn C một phần và ông Phùng Sinh C một phần. Phần ông Phùng Sinh C đến năm 2000 giao cho ông Phùng Văn C quản lý, sử dụng. Chính

là phần đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn. Do vậy, những người làm chứng khẳng định đất tranh chấp là của gia đình bị đơn ông Phùng Văn C và bà Hứa Thị D1 (D2). Gia đình bị đơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (lời khai bà Dòng).

Ngày 07-01-2022, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, sau khi có kết quả đo đạc, xác định: Tổng diện tích đất tranh chấp là 23.828,3m², thuộc tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn năm 2011; tại địa chỉ: Thôn Bản Hoi, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; loại đất rừng sản xuất. Đất tranh chấp gồm 03 thửa tạm: Thửa tạm 613.1 diện tích 16.929,1m²; thửa tạm 639.1 diện tích 5.381,9m²; thửa tạm 655.1 diện tích 1.517,3m². Tài sản trên đất gồm: 2.383 cây bạch đàn, trong đó: 2.140 cây đường kính gốc nhỏ hơn 5cm, 75 cây đường kính gốc từ 5cm-10cm, 138 cây đường kính gốc trên 10cm-20cm, 30 cây đường kính gốc trên 20cm-30cm; 982 cây thông, trong đó: 900 cây đường kính gốc dưới 5cm, 57 cây đường kính gốc trên 10cm-20cm, 22 cây đường kính gốc trên 20cm-30cm, 03 cây đường kính gốc trên 30cm; 05 cây sau sau, đường kính gốc 10cm-20cm. Theo kết quả định giá, giá trị đất theo giá nhà nước: 9.000 đồng/m²; tổng giá trị tài sản trên đất: 53.617.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 21-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị L được quản lý, sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất cụ thể như sau: Bà Nông Thị L được quyền quản lý và sử dụng diện tích 23.828,3m² đất và sở hữu tài sản trên đất, gồm:

1.1: Diện tích 16.929,1m² đất thuộc thửa 613 (thửa tạm 613.1), tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích 16.929,1m² đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): A1, A2, A3, A4, A13, A14, thể hiện tại Phụ lục xác minh hồ sơ khu đất tranh chấp kèm theo bản án và sở hữu tài sản trên đất gồm: Bạch đàn nhỏ hơn 05cm: 1.140 cây; bạch đàn từ 05-10cm: 50 cây; bạch đàn từ 10-20cm: 90 cây; cây thông dưới 05cm: 850 cây; cây thông từ 10-20cm: 40 cây; cây thông từ 20-30cm: 17 cây.

1.2: Diện tích 5.381,9m² đất thuộc thửa 639 (thửa tạm 639.1), tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích 5.381,9m² đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): A4, A5, A6, A7, A8, A9, A12, A13 thể hiện tại Phụ lục xác minh hồ sơ khu đất tranh chấp kèm theo bản án và sở hữu tài sản trên đất gồm: Thông nhỏ hơn 05cm: 900 cây, bạch đàn dưới 05cm: 1.900 cây; sau sau 10cm: 01 cây.

1.3: Diện tích 1.517,3m² đất thuộc thửa 655 (thửa tạm 655.1), tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích 1.517,3m² đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): A9, A10, A11, A12 thể hiện tại Phụ lục xác minh hồ sơ khu đất tranh chấp kèm theo bản án và sở hữu tài sản trên đất gồm: Bạch đàn nhỏ hơn 05 cm là 100 cây, bạch đàn từ 5-10 cm là 17 cây, bạch đàn từ 20-30 cm là 10 cây; thông nhỏ hơn 05 cm là 20 cây, thông từ 05-10 cm là 30 cây, thông từ 20-30 cm là 50 cây.

2. Bà Nông Thị L có nghĩa vụ đăng ký, kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 1.1; 1.2 và 1.3 theo quy định.

3. Buộc các bị đơn ông Phùng Văn C và bà Hứa Thị D1 (D2) chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tranh chấp tại 1.1; 1.2 và 1.3 theo quy định.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu lãi chậm trả, về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị đơn bà Hứa Thị D1 (D2) và ông Phùng Văn C kháng cáo sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích 23.828,3m² đất và tài sản trên đất; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét theo hướng hủy bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của bị đơn bà Hứa Thị D1 (D2) và ông Phùng Văn C; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Hứa Thị D nhất trí với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Ý kiến của nguyên đơn bà Nông Thị L yêu cầu giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

Ngoài lời trình bày về nguồn gốc và quá trình quản lý sử dụng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Sổ vườn rừng do bà Nông Thị L cung cấp có dấu hiệu tẩy xóa phần tên, địa chỉ, chu kỳ giao. Tại phiên tòa bà Nông Thị L thừa nhận ông Phùng Văn B là người sửa. Mặt khác, theo Sổ lâm bạ xã T năm 1988 lô 33, khoảnh I, có cùng diện tích 1,8ha, loại rừng chồi bạch đàn tên chủ hộ được giao lại là ông Phùng Sinh K. Việc khai thác cây thông, cây bạch đàn, cạo nhựa thông trên đất ngoài lời trình bày bà Nông Thị L cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa bà Nông Thị L thừa nhận phần diện tích tranh chấp thuộc thửa 613 không trồng cây gì, chưa khai thác nhiều cây trên đất. Các cơ quan Hạt lâm huyện Lộc Bình, UBND huyện L, UBND xã H đều khẳng định không có tài liệu, hồ sơ lưu trữ về sổ vườn rừng cấp năm 1988 mang tên ông Phùng Văn B. Diện tích bà Nông Thị L cho rằng gia đình bà khai phá và được cấp sổ vườn rừng có diện tích

1,8ha, cũng theo bà Nông Thị L quá trình quản lý sử dụng bà còn bán một phần đất cho bà Hà Thị H và còn quản lý sử dụng một phần diện tích hiện không có tranh chấp. Nhưng theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, trích đo thì riêng phần diện tích đất tranh chấp đã là 23.828,3m² lớn hơn diện tích 1,8ha ông Phùng Văn B được giao sở vườn rừng là mâu thuẫn và lời khai của bà Nông Thị L tại phiên tòa về cây trên đất tranh chấp; việc đào rãnh đào trên đất tranh chấp và khai thác cây trên đất cũng có nhiều mâu thuẫn.

Bị đơn trình bày nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Phùng Sinh C được giao đất giao rừng ngày 25/11/1993 là lô 40, khoảnh I, diện tích 3,5ha. Trước khi chết, tháng 06/2016 ông Phùng Sinh C bị ốm và bảo các con viết giấy phân chia phần đất tranh chấp làm 03 phần. Bà Nông Thị L một phần khoảng 5000m², bà D, ông C một phần khoảng 6000m², còn lại là của ông Phùng Sinh C. Phần của ông Phùng Sinh C chuyển cho ông C. Các bên có đào rãnh thể hiện đất phân chia, hiện nay vẫn còn đường rãnh. Nguyên đơn bà Nông Thị L thừa nhận trên đất tranh chấp có rãnh đào phân chia ranh giới nhưng là rãnh đào do gia đình bà Nông Thị L đào để ngăn với phần đất gia đình bà chia cho con gái là Phùng Thị N, vị trí đào rãnh là phần giáp đất bà Âu Thị T. Ngoài lời trình bày, bị đơn cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh có việc chia đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xuất trình Giấy chuyển nhượng đất rừng giữa ông Phùng Sinh C và ông Đặng Văn T đề ngày 20/5/1994. Xét thấy có căn cứ nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Phùng Sinh C, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Phùng Sinh C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Do vậy, chưa đủ căn cứ để xem xét đánh giá, giải quyết kháng cáo của các bị đơn bà Hứa Thị D1 (D2), ông Phùng Văn C.

3. Về nội dung kháng nghị:

Vi phạm trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ về nguồn gốc đất tranh chấp theo nguyên đơn bà Nông Thị L trình bày có nhiều mâu thuẫn, việc quản lý sử dụng khai thác cây trên đất không có căn cứ chứng minh; mâu thuẫn với lời khai của những người làm chứng, lời khai của bị đơn nhưng bản án sơ thẩm đã xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nông Thị L là vi phạm. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã tiến hành xác minh bổ sung tại thôn, xã, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L nhưng cũng không làm rõ được về nguồn gốc đất tranh chấp, quá trình quản lý sử dụng đất tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm chưa lấy lời khai của bà Hà Thị H và các con là Đặng Thanh T, Đặng Trà N để làm rõ ý kiến về một phần diện tích đất tranh chấp 1.517,3m² thuộc thửa 655. Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục, lấy lời khai bà Hà Thị H làm rõ ý kiến nhưng chưa lấy lời khai anh Đặng Thanh T, chị Đặng Trà N là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của anh T, chị N.

Vi phạm chưa thụ lý nhưng đã giải quyết: Đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2021 nguyên đơn đã có yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp, sơ

thẩm không thụ lý nhưng phần Quyết định của bản án tuyên buộc các bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp là vi phạm.

Ngoài ra, đơn khởi kiện bà Nông Thị L yêu cầu quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất 639 diện tích 20.713m² và thửa đất 613 có diện tích 38.600,2m², Tòa án sơ thẩm đã thụ lý theo quy định, nhưng tại phần nội dung vụ án của bản án sơ thẩm chỉ xác định bà Nông Thị L yêu cầu giải quyết tranh chấp đối với diện tích 23.828,3m² là không đúng yêu cầu khởi kiện của đương sự và mâu thuẫn với Thông báo thụ lý. Đồng thời, chưa làm rõ bà Nông Thị L có thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất tranh chấp hay không.

Vi phạm mâu thuẫn, sai sót giữa biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và phần Quyết định của bản án sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã có Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, xét thấy việc bổ sung đã làm thay đổi nội dung của vụ án, mặt khác tại phiên tòa đương sự khẳng định Quyết định sửa chữa bổ sung không được Tòa án gửi cho các đương sự là không đúng quy định tại Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 38 Nghị quyết số 05/2012/NQ- HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Vi phạm về chi phí tố tụng: Theo công văn trả lời số 86/CV-CNST ngày 15/9/2022 của Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường S, Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn giá trị thanh toán đo đạc khu đất tranh chấp với diện tích 23.828,2m² bao gồm thửa tạm 613.1, 639.1, 655.1 số tiền là 17.165.676 đồng. Để thu thập thông tin xác minh thông tin đất của nguyên đơn đơn vị đo đạc đã đo đạc toàn bộ khu đất của nguyên đơn đang quản lý và thực hiện số hóa bản đồ giao đất rừng xã H. Lồng ghép kết quả đo đạc khu đất tranh chấp với bản đồ hiện có trên địa bàn xã, phân tích số liệu theo yêu cầu thụ lý của vụ án với số tiền là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền theo giá trị khối lượng thực hiện là 27.165.676 đồng. Xét hoàn cảnh gia đình khó khăn, Chi nhánh công ty đã ấn định giá trị thanh lý hợp đồng với số tiền là 18.000.000 đồng. Như vậy, theo thông tin đơn vị đo đạc cung cấp việc Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc 18.000.000 đồng là không có căn cứ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Do đó, những nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Kháng cáo của bà Hứa Thị D1 (D2), ông Phùng Văn C sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phiên tòa xét xử phúc thẩm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, có mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà

Thị H và anh Phùng Văn T; những đương sự khác vắng mặt đã có văn bản ủy quyền cho người khác và người được ủy quyền có mặt hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

[2] Tại phiên tòa, người kháng cáo là bị đơn bà Hứa Thị D1 (D2) và ông Phùng Văn C; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Hứa Thị D xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới là Giấy chuyển nhượng đất rừng, đề ngày 20/5/1994, có nội dung bên chuyển nhượng là ông Phùng Sinh C và bên nhận chuyển nhượng là ông Đặng Văn T (chồng bà Hà Thị H). Tại phiên tòa, nguyên đơn Nông Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị H xác nhận nội dung ghi trong Giấy chuyển nhượng đất rừng nêu trên là có thật; phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa tạm 655.1 là một phần diện tích đất chuyển nhượng nêu trên.

[3] Bà Hà Thị H cho rằng, ông Phùng Sinh C có đến nhà gặp ông Đặng Văn T hỏi có mua đất đồi rừng không? Thì ông Đặng Văn T đồng ý mua và có đến gặp ông Phùng Văn B là người đang quản lý đất rừng để hỏi ý kiến ông Phùng Văn B; khi biết ông Phùng Văn B đồng ý bán thì ông Đặng Văn T đã mua và có viết Giấy chuyển nhượng đất rừng, ông Phùng Sinh C ký tên bên chuyển nhượng, ông Đặng Văn T ký tên bên nhận chuyển nhượng.

[4] Bà Nông Thị L cho rằng, diện tích đất chuyển nhượng trong Giấy chuyển nhượng đất rừng nêu trên do vợ chồng bà quản lý, ông Phùng Sinh C lúc đó sống cùng vợ chồng bà, ông Phùng Sinh C nói là không có tiền nên xin vợ chồng bà chuyển nhượng đất, vợ chồng bà đã đồng ý; ông Phùng Sinh C và ông Đặng Văn T làm giấy chuyển nhượng nêu trên, số tiền chuyển nhượng là 400.000 đồng, ông Phùng Văn B chồng bà lấy 200.000 đồng, ông Phùng Sinh C được 200.000 đồng.

[5] Trong vụ án này cần đưa ông Phùng Sinh C tham gia tố tụng, tuy nhiên ông Phùng Sinh C đã chết nên cần đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phùng Sinh C tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự. Quá trình giải quyết vụ án, hàng thừa kế thứ nhất của ông Phùng Sinh C chưa tham gia tố tụng chưa với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[6] Do vụ án có tài liệu mới quan trọng nêu trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Để vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để, đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử, xét thấy cần hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 21-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[7] Do Bản án sơ thẩm bị hủy nên yêu cầu của các đương sự; những nội dung kháng cáo, kháng nghị, chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét trong quá trình giải quyết lại vụ án.

[8] Về án phí phúc thẩm: Bản án sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả người kháng cáo số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310; khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 21-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giải quyết lại vụ án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đương sự đã nộp và số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Hứa Thị D1 (D2) và ông Phùng Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho Bà Hứa Thị D1 (D2) và ông Phùng Văn C mỗi người 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005105 ngày 05-4-2022 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005108 ngày 12-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP; P.KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Chu Long Kiểm

